

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 04- 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chinh
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Bình Linh, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Bình Linh, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N, anh Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Hồng N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ khi chung sống đến nay, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực với chị N. Bên cạnh đó, anh Đ còn có tình cảm bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Năm 2017, chị N có nộp đơn ly hôn nhưng do anh Đ yêu cầu hàn gắn, chị đã cho anh

Đ cơ hội, nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi. Chị N và anh Đ sống xa nhau từ tháng 11/2018. Chị N không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng cũng như hành vi cố ý gây thương tích của anh Đ. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đ thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh Đ còn có tình cảm với chị N, con chung của anh Đ và chị N còn nhỏ, do đó anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phạm Hồng N, yêu cầu được hàn gắn. Anh Đ sẽ cố gắng sửa đổi, chăm lo làm ăn và chăm sóc cho vợ con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Trích lục kết hôn (bản sao);
- 01 Giấy CMND Phạm Hồng N (photo);
- 01 Sổ hộ khẩu (photo);
- 01 Trích lục khai sinh Nguyễn Hoàng Q (bản sao);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 12/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Hồng N có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa là bà Hồ Thị Mai Hương, ông Phạm Phước Tâm, ông Trần Văn Bé Hai, bà Võ Thị Diệp; Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa là ông Hồ Tấn Đạt. Tuy nhiên hội thẩm nhân dân bà Hồ Thị Mai Hương, ông Trần Văn Bé Hai, bà Võ Thị Diệp và Thư ký là ông Hồ Tấn Đạt có công tác đột xuất nên ông Nguyễn Văn Chính thay đổi cho các vị trên, thư ký tòa án bà Trần Hồng Thắm thay đổi cho ông Hồ Tấn Đạt. Các đương sự có mặt đồng ý về sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và không yêu cầu thay đổi ai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị N.

Chị N và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30 tháng 10 năm 2017, do đó hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực với chị N. Bên cạnh đó, anh Đ còn có tình cảm bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018. Chị N và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét từ khi chị N, anh Đ sống xa nhau đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi con chung; Anh Đ không về chăm sóc con chung cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Bên cạnh đó, con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018 chưa được 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định: ...3. “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi....”.

Do đó, giao con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Do chị N và anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh Đ cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Hồng N.

Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Phạm Hồng N được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 07/9/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Đ cùng trình bày không có tài sản chung, không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006268 ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh